TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ LÁCH** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 300/2019/HN-ST
Ngày: 04-9-2019
V/v: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ LÁCH, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Chí Hậu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thành;

2. Bà Trương Ngọc Phiểm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm My - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách.

Ngày 04 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 126/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2019, về việc: "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 16 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

Chị Phan Thị Thùy T, sinh năm 1986; Có mặt

Đăng ký thường trú: ấp S, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Chỗ ở hiện nay: ấp T, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn:

Anh Lê Minh L, sinh năm 1978; Có mặt

Nơi cư trú: ấp S, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/4/2019, văn bản trình bày ý kiến, biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Phan Thị Thùy T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Minh L tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Sơn Định, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre vào ngày 22/01/2007. Quá trình chung sống, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc

được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn kéo dài đến nay, nguyên nhân do anh L không làm ăn xây dựng kinh tế gia đình, thường xuyên uống rượu dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, mâu thuẫn ngày càng nghiêm trọng. Hiện chị và anh L đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng với anh L không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L, chị không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Ngọc Khánh V, sinh ngày 15/10/2008 và Lê Ngọc Tường V, sinh ngày 14/8/2014, hiện 02 con đang sống với chị. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị và anh L có các khoản nợ chung, sau khi ly hôn chị và anh L sẽ tự thỏa thuận để trả nợ.

Tại văn bản trình bày ý kiến, biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn anh Lê Minh L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh thống nhất về thời gian và điều kiện kết hôn theo như chị T trình bày. Quá trình chung sống, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc cho đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do thỉnh thoảng anh có uống rượu, khi uống rượu về tính anh nóng nên khi chị T cằn nhằn thì hai bên có lời qua tiếng lại dẫn đến vợ chồng có mâu thuẫn. Sau đó chị T về nhà cha mẹ ruột ở huyện Mỏ Cày Bắc sinh sống từ năm 2017 cho đến nay. Nay anh còn thương vợ con, muốn được hàn gắn tình cảm vợ chồng để cùng lo cho các con nhưng nếu chị T quyết tâm ly hôn với anh thì anh cũng đồng ý.

Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Ngọc Khánh V, sinh ngày 15/10/2008 và Lê Ngọc Tường V, sinh ngày 14/8/2014, hiện 02 con đang sống với chị T. Nếu phải ly hôn, anh đồng ý giao quyền trực tiếp nuôi 02 con chung lại cho chị T.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh và chị T có các khoản nợ chung, sau khi ly hôn sẽ tự thỏa thuận để trả nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" được Tòa án xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật

Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh L tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Sơn Định, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Theo chị T, nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tình tình không hợp nhau, anh L không làm ăn xây dựng kinh tế gia đình mà còn thường xuyên uống rượu. Chị T và anh L đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh L, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau khi ly hôn.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị T và anh L thực tế là có xảy ra và giữa hai người có thời gian sống ly thân từ năm 2017 đến nay, với khoảng thời gian trên cũng đủ cho anh, chị suy nghĩ lại tình cảm vợ chồng thế nhưng cả hai cũng không tìm cho mình một biện pháp nào để khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn lại tình cảm vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải nhiều lần và cho các bên thời gian để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị T vẫn không đồng ý hàn gắn và tại phiên tòa, chị T vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn với anh L. Điều đó cho thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh L là đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, ly hôn là biện pháp tốt nhất nhằm đem lại tự do cho cả hai. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh L là phù hợp theo quy định tại các Điều 51 và 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung và việc cấp dưỡng nuôi con: Quá trình chung sống, chị T và anh L có 02 con chung tên Lê Ngọc Khánh V, sinh ngày 15/10/2008 và Lê Ngọc Tường V, sinh ngày 14/8/2014, hiện 02 con đang sống với chị T. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung. Xét yêu cầu được nuôi con chung của chị T là chính đáng, đồng thời từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay chị T là người trực tiếp nuôi con chung, bản thân chị T cũng có việc làm và thu nhập đủ để đảm bảo cuộc sống cả về vật chất lẫn tinh thần cho các con chung. Vì vậy, việc giao các con cho chị T nuôi dưỡng là phù hợ với với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, đồng thời phù hợp với nguyện vọng của cháu Lê Ngọc Khánh V. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Chị T và anh L không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

[5] Về nợ chung: Chị T và anh L khai có các khoản nợ chung nhưng anh chị không cung cấp cho Tòa án số tiền nợ cụ thể của từng người, cũng không cung cấp họ tên, năm sinh, địa chỉ của bên cho vay. Tòa án đã ra Thông báo số 199 và 200 ngày 22/7/2019 để yêu cầu chị T và anh L cung cấp cụ thể số tiền vay của từng người, cung cấp họ tên, năm sinh, địa chỉ của bên cho vay nhưng chị T và anh L không cung cấp cho Tòa án chứng cứ chứng minh để giải quyết khoản nợ này. Vì vậy không có cơ sở để xem xét giải quyết về nợ chung này. Trường hợp sau này nếu có phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết trong một vụ án khác.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị T phải chịu án phí là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 107, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1/. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phan Thị Thùy T đối với anh Lê Minh L. Cụ thể tuyên:

Chị Phan Thị Thùy T được ly hôn với anh Lê Minh L. Ghi nhận chị T và anh L không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

2/. Về con chung và việc cấp dưỡng nuôi con: Chị Phan Thị Thùy T được quyền trực tiếp nuôi 02 con chung tên Lê Ngọc Khánh V, sinh ngày 15/10/2008 và Lê Ngọc Tường V, sinh ngày 14/8/2014, hiện các con đang sống với chị T. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Anh Lê Minh L được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Trong trường hợp anh L lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì chị T có quyền yêu cầu Tòa án quyết định hạn chế quyền thăm nom con của anh L.

Vì lợi ích của con chung sau này, theo yêu cầu của anh L, chị T hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3/. Về tài sản chung: Chị T và anh L không tranh chấp và không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xét đến.

4/. Về nợ chung: Chị T và anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không có cơ sở để xem xét giải quyết về nợ chung. Trường hợp sau này nếu có phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết trong một vụ án khác.

5/. Về án phí: Chị Phan Thị Thùy T phải chịu là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000754 ngày 23/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre. Chị T đã nộp đủ án phí.

6/. Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện Chợ Lách;*
- *Chi cục T.H.A DS huyện Chợ Lách;*
- *Cơ quan đăng ký kết hôn;*
- *Lưu HSVA+VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

ĐÃ KÝ

Lê Chí Hậu